

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUANATEST**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUANATEST

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUANATEST JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: QUANATEST.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110801147

**3. Ngày thành lập:** 01/08/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

LK16 NO1 ngõ 48 đường Chu Huy Mân, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0948120568

Fax:

Email: quanatest@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ thử nghiệm và kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa<br>- Thử nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản<br>- Thử nghiệm phân bón<br>- Kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc<br>- Kiểm nghiệm thuốc thú y<br>- Kiểm nghiệm thực phẩm<br>- Dịch vụ quan trắc môi trường | 7120(Chính) |
| 2.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                                                                                                                                                                                                  | 7211        |
| 3.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                                                                     | 7212        |
| 4.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                                                                                                                                                                                   | 7213        |
| 5.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                               | 7214        |
| 6.  | Hoạt động thú y<br>Chi tiết: Phẫu thuật động vật, khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật                                                                                                                                                                                                                         | 7500        |
| 7.  | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 0141        |
| 8.  | Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa                                                                                                                                                                                                                                                                           | 0142        |
| 9.  | Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0144        |
| 10. | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 0145        |

|     |                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Chăn nuôi gia cầm<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm<br>- Chăn nuôi gà<br>- Chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng<br>- Chăn nuôi gia cầm khác                                                             | 0146 |
| 12. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                                                                                              | 0150 |
| 13. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                               | 0161 |
| 14. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                                                                                                | 0162 |
| 15. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                            | 0163 |
| 16. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                                                                                                              | 0164 |
| 17. | Xay xát và sản xuất bột thô                                                                                                                                                                                                | 1061 |
| 18. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                                                                              | 1080 |
| 19. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                              | 1062 |
| 20. | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp                                                                                                                                                    | 2021 |
| 21. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu                                                                                                                                                                                      | 2100 |
| 22. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác<br>- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản | 4620 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                            | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>PHƯƠNG | Căn hộ P1-1016,<br>tòa P1, khu đô thị<br>Việt Hưng,<br>Phường Giang<br>Biên, Quận Long<br>Biên, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        | 0081880087<br>66                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                                               | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 30.000        | 300.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                               | Tổng số                            | 30.000        | 300.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | LÊ THỊ HỘI           | Số 60 Lò Đúc,<br>Phường Phạm<br>Đình Hồ, Quận<br>Hai Bà Trưng,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                               | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        | 0381780000<br>21                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                                               | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 45.000        | 450.000.000              | 15,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                               | Tổng số                            | 45.000        | 450.000.000              | 15,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                   |                                                                                                          |                           |        |             |        |              |
|---|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | TRỊNH QUANG THÀNH | Số 148 Vọng Hà, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                          | Cổ phần phổ thông         | 60.000 | 600.000.000 | 20,000 | 001063018445 |
|   |                   |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                          | Tổng số                   | 60.000 | 600.000.000 | 20,000 |              |
| 4 | PHẠM MINH ĐỨC     | Số 3A tổ 3 cụm Kiến Thiết đường Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 30.000 | 300.000.000 | 10,000 | 037076003182 |
|   |                   |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                          | Tổng số                   | 30.000 | 300.000.000 | 10,000 |              |
| 5 | LÊ ĐẠI THẮNG      | Phòng 103 – A3 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông         | 30.000 | 300.000.000 | 10,000 | 010069000054 |
|   |                   |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                          | Tổng số                   | 30.000 | 300.000.000 | 10,000 |              |

|   |                      |                                                                                                                                         |                                    |        |             |        |                  |
|---|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 6 | NGUYỄN<br>HOÀNG KIÊN | Phòng 506 - D1<br>tập thể Bộ<br>NN&PTNT<br>đường Phương<br>Mai, Phường<br>Phương Mai,<br>Quận Đống Đa,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  | 0010990052<br>51 |
|   |                      |                                                                                                                                         | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 45.000 | 450.000.000 | 15,000 |                  |
|   |                      |                                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                                         | Tổng số                            | 45.000 | 450.000.000 | 15,000 |                  |
| 7 | VÕ ĐÌNH<br>KIÊN      | Số 01 đường 12<br>KP4, Phường An<br>Khánh, Thành<br>phố Thủ Đức,<br>Thành phố Hồ<br>Chí Minh, Việt<br>Nam                               | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  | 0400780008<br>40 |
|   |                      |                                                                                                                                         | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 30.000 | 300.000.000 | 10,000 |                  |
|   |                      |                                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                                         | Tổng số                            | 30.000 | 300.000.000 | 10,000 |                  |
| 8 | NGUYỄN THỊ<br>HẰNG   | Phòng 05.0919<br>Park Hill đường<br>Lĩnh Nam,<br>Phường Mai<br>Động, Quận<br>Hoàng Mai,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  | 0361880001<br>69 |
|   |                      |                                                                                                                                         | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 30.000 | 300.000.000 | 10,000 |                  |
|   |                      |                                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                                                         | Tổng số                            | 30.000 | 300.000.000 | 10,000 |                  |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: NGUYỄN THI PHƯƠNG

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 03/02/1988

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 008188008766

Ngày cấp: 06/06/2023

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Thác Nóng, Xã Sơn Nam, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ P1-1016, Tòa P1, Khu đô thị Việt Hưng, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội